TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2017/HSST
Ngày 28/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Trọng – CB nghỉ chế độ hưu trí

2. Ông Nguyễn Văn Mười – CB nghỉ chế độ hưu trí.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 65/2017/HSST ngày 15/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **LÊ VĂN Đ – 20/11/1982**

Trú tại: Xóm C 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 6/12. Bố đẻ: Lê Văn X- 1950; Mẹ đẻ: Đỗ Thị T – đã chết. Có vợ là Trần Thị M - 1988 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN B – 19/3/1976**

Trú tại: Xóm C 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 2/12. Bố đẻ: Nguyễn Văn L - 1942; Mẹ đẻ: Lê Thị M – đã chết. Có vợ là Lê Thị H - 1981 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

- Người làm chứng:1. Lưu Trung T – 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm R, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Hồi 22h 00’ ngày 02/9/2017, Công an an xã B làm nhiệm vụ tại khu vực xóm P, xã B phát hiện một đối tượng đi xe máy BKS 20F1-125.30 đi theo hướng về xã YL có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác dừng xe yêu cầu kiểm tra. Đối tượng khai là Lê Văn Đ – 1982, trú tại xóm C 2, xã P. Đ tự giác giao nộp 01 gói nhỏ gói bằng túi ni lông màu đen bên trong có 01 gói giấy nhỏ Đ khai là Heroin do Đ và Nguyễn Văn B là người cùng xóm góp tiền để mua ma túy về sử dụng. Tổ Công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định trưng cầu giám định trọng lượng (Khối lượng) chất bột thu giữ của Đ có phải là ma túy không. Loại ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 987 /KL-PC54 ngày 11/9/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng thu giữ của Lê Văn Đ là ma túy, loại Heroin có trọng lượng (khối lượng) là 0,188 gam .

Đối với Nguyễn Văn B khi tổ công tác Công an xã B đang kiểm tra Lê Văn Đ thì B đứng cách đó khoảng 10m. Phát hiện Đ bị bắt giữ thì B đã bỏ trốn và ngay sau đó B đến Công an huyện Đ khai báo đã góp tiền cùng với Đ để mua ma túy về sử dụng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và tại phiên tòa Đ và B khai: Khoảng 21h ngày 02/9/2017 Đ và B đi soi rắn tại khu vực suối T, xã P. Trong khi soi rắn B hỏi Đ là có gì không. (Ý nói là có ma túy không). Đ trả lời là không. Trên đường về B dừng xe và mở cốp xe đưa cho Đ 100.000đ và giao xe cho Đ để Đ đi mua ma túy. Đ điều khiển xe đến khu vực xóm V, xã B thì gặp L. Tại đây Đ mua của L 01 gói ma túy với giá 100.000đ. Sau khi mua được ma túy Đ đi xe quay lại chỗ B đứng đợi thì bị Công an xã B phát hiện và bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 67/ KSĐT-MT ngày 15/11/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lê Văn Đ, Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999, NQ 41/2017 của QH và Khoản 3, Điều 7; khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về căn cứ buộc tội.

- Đ khai: Khoảng 21h ngày bị cáo và Nguyễn Văn B rủ nhau đi soi rắn. Khi soi rắn B hỏi bị cáo có gì không. Ý là có ma túy không để sử dụng. Bị cáo nói là không. Lúc sau trên đường về B dừng xe và mở cốp xe lấy ra 100.000đ đưa cho bị cáo để đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo cầm tiền và lấy xe của B đi xuống khu vực xóm V, xã B để mua ma Túy. Khi đến xóm V bị cáo gặp Đỗ X L là người nghiện ma túy. Bị cáo hỏi mua ma túy của L. L đồng ý bán và bị cáo mua của L 01 gói ma túy với giá là 100.000đ. Sau khi mua được ma túy bị cáo quay lại chỗ B đang đứng đợi. Khi đến xóm Phú Hạ thì bị Công an xã B yêu cầu kiểm tra. Bị cáo lấy gói ma túy vừa mua được giao nộp cho Công an xã B.

- B khai: Tối ngày 02/9/2017 bị cáo cùng Lê Văn Đ rủ nhau đi soi rắn. Trong lúc soi rắn bị cáo hỏi Đ có ma túy không để sử dụng. Đ nói là không. Trên đường về và sau đó đi chơi đến xóm Phú Hạ xã B bị cáo dừng xe và lấy 100.000đ đưa xe và tiền cho cho Đ để mua ma túy về sử dụng. Lúc sau Đ về thì bị Công an xã B bắt giữ. Bị cáo bỏ đi sau đó xuống Công an huyện Đ khai báo về hành vi của mình.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng(BL số 34-39) và kết luận giám định.

Hành vi tàng trữ 0,188 gam ma tuý của Lê Văn Đ và hành vi góp tiền mua ma túy của Nguyễn Văn B đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" phạm khoản 1 Điều 194 của BLHS.

Tại Điều 194 của BLHS năm 1999 quy định

1. Người nào… tàng trữ… trái phép… chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "*Điều luật quy định một hình phạt nhẹ hơn,...và các quy đinh khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*"

Điều 249 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

1.Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vân chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) Heroin.... có khối lượng từ 0,1 gam đến 05 gam.

Tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo thuộc trường hợp áp dụng các tình tiết có lợi cho người phạm tội.

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{2} Về tính chất hành vi :

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự

công cộng. Như chúng ta biết ma túy là chất gây nghiện, khi sử dụng nó làm cho con người lệ thuộc vào nó, làm cho con người mất nhân cách và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Chính vì thế nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý.

{3}. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng TNHS thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đây là tình tiết nhân thân cần xem xét trong quá trình nghị án.

{4}. Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo B là người góp tiền, bị cáo Đ là người đi mua ma túy do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung khối lượng ma túy đã tàng trữ. Các bị cáo là đồng phạm giản đơn và phải chịu trách nhiệm như nhau.

{5}.Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, vai trò và nhân thân của các bị cáo thì thấy cần lên cho các bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù và buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện, tài sản và thu nhập thấp, hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

{6}.Về vật chứng: 02 phong bì niêm phong cần tịch thu tiêu hủy. Về chiếc xe máy BKS 20F1-125.30 là xe của Lê Thị H vợ của Nguyễn Văn B, cơ quan điều tra xác định chiếc xe không L quan đến vụ án nên đã trả lại cho chị Lê Thị H.

{7}.Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này Lê Văn Đ khai mua ma túy của Đỗ X L nhưng hiện tại L không có mặt tại địa phương và ngoài lời khai của Đ không còn chứng cứ nào khác nên chưa có cơ sở xử lý L trong vụ án này.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Lê Văn Đ, Nguyễn Văn B phạm tội; "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 của BLHS năm 1999. Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và NQ số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: 1. Lê Văn Đ: 18 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

2. Nguyễn Văn B: 18 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

***Về vật chứng**: Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong. (Theo QĐ chuyển vật chứng số 52/KSĐT ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ).

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Lê Văn Đ, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;(3b)
- VKSND huyện Đ;(2b)
- Chi cục THADS Đ + THAHS;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long